

## SẮT PROTEIN SUCCINYLATED

**Loại thuốc:** Chế phẩm  $\text{Fe}^{3+}$  chống thiếu máu do thiếu sắt.

**Dạng thuốc và hàm lượng:** Dung dịch uống, mỗi lọ 15ml chứa 800 sắt protein succinylat (tương đương 40 mg  $\text{Fe}^{3+}$ ).

**Chỉ định:** Điều trị tình trạng thiếu hụt sắt và thiếu máu do thiếu sắt và thiếu sắt thứ phát ở người trưởng thành trong các trường hợp mất máu mạn tính, phụ nữ mang thai và cho con bú.

### Chống chỉ định

Quá mẫn với bất cứ thành phần nào của thuốc.

Bệnh nhân bị hội chứng tế bào nhiễm sắt, bệnh nhân bị chứng nhiễm sắc tố sắt.

Bệnh nhân thiếu máu tan huyết hay thiếu máu bất sản, thiếu máu do rối loạn hấp thu sắt (thiếu máu do mất chức năng sử dụng sắt).

Bệnh nhân bị viêm tụy và xơ gan thứ phát do nhiễm sắc tố sắt.

### Thận trọng

Bất cứ bệnh nào mà nguyên nhân có thể là do thiếu sắt hay thiếu máu do thiếu sắt đều phải được xác định một cách chắc chắn và điều trị tới cùng.

Ferlatum là thuốc có chứa protein ở dạng sữa, vì vậy nên thận trọng khi dùng thuốc cho những bệnh nhân không dung nạp protein dạng sữa, vì có thể có những phản ứng dị ứng thuốc. Thời gian điều trị không nên kéo dài quá 6 tháng trừ trường hợp chảy máu kéo dài, rong kinh và có thai.

Chế phẩm Ferlatum có chứa sorbitol, do đó không sử dụng thuốc cho bệnh nhân không dung nạp fructose do di truyền.

Ferlatum có chứa paraben (natri methyl-p-hydroxybenzoat, natri propyl-p-hydroxybenzoat) nên có thể gây ra những phản ứng dị ứng chậm phát.

### Liều dùng

*Người lớn:* 1 - 2 lọ/ngày (tương đương 40 - 80mg sắt ( $\text{Fe}^{3+}$ )/ngày), hoặc theo sự hướng dẫn của bác sĩ điều trị, tốt nhất là uống thuốc trước bữa ăn.

*Trẻ em:* 1,5ml/kg/ngày (tương đương 4mg sắt/kg/ngày), hoặc theo sự hướng dẫn của bác sĩ điều trị, tốt nhất là uống thuốc trước bữa ăn.

Thuốc được uống nguyên lọ hoặc pha loãng với một lượng nước lọc vừa phải. Sau khi mở nắp lọ, thuốc phải được bảo quản ở nhiệt độ dưới 25°C và sử dụng trong vòng 24 giờ.

Thời gian điều trị: điều trị liên tục cho đến khi trữ lượng sắt trong cơ thể trở lại mức bình thường (thường là 2 - 3 tháng).

Liều tối đa trong ngày: những nghiên cứu lâm sàng về hiệu quả và tính dung nạp của thuốc đã được tiến hành với những liều như trên (người lớn: 80mg sắt/ngày, trẻ em: 4mg sắt/ngày). Chưa có số liệu về hiệu quả lâm sàng và tính dung nạp của thuốc đối với liều lớn hơn.

### Tác dụng không mong muốn

Rối loạn tiêu hóa như tiêu chảy, táo bón, buồn nôn và đau thượng vị rất hiếm khi xảy ra, hay xảy ra hơn ở liều cao nhất. Những tác dụng phụ này sẽ giảm dần khi giảm liều và ngưng điều trị.

Những chế phẩm sắt có thể gây đổi màu phân thành đen hoặc xám đậm.

### Tương tác thuốc

Sắt có thể làm rối loạn sự hấp thu cũng như làm ảnh hưởng đến sinh khả dụng của tetracyclin, biphosphonat, kháng sinh quinolon, penicillamin, thyroxin, levodopa, carbodopa, alpha-methyldopa. Nên dùng Ferlatum cách 2 giờ trước hoặc sau khi dùng những thuốc kể trên.

Sự hấp thu sắt có thể tăng lên khi sử dụng đồng thời Ferlatum với hơn 200mg acid ascorbic hay giảm khi sử dụng đồng thời với những thuốc kháng acid.

Chloramphenicol có thể làm chậm sự đáp ứng liệu pháp điều trị dùng sắt.

Những chất gắn kết sắt (như các phosphat, các phylat và các oxalat) có chứa trong nhiều loại rau xanh, sữa, cafe và trà ức chế sự hấp thu sắt. Nên dùng Ferlatum cách 2 giờ trước hoặc sau khi dùng những thức ăn và đồ uống này.

### Tài liệu tham khảo

Hướng dẫn sử dụng của Nhà sản xuất.

**Người soạn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Khoa Dược**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Lãnh đạo bệnh viện**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phạm Thị Thảo**

**Từ Thị Mai Linh**